

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21 tháng 8 năm 2018

*“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh
chấp về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như U**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 6, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Thân Văn L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 20/2 hẻm 02 TS, tổ 6, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018, bản tự khai ngày 29/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như U trình bày:

Chị và anh Thân Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có với nhau 02 con chung sau đó đến ngày 29/7/2005 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, chị và anh L sinh sống tại tổ 6, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên những năm gần đây do anh Thân Văn L thường xuyên uống rượu, gây chuyện để đánh chị nhiều lần, không chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh Thân Văn L hiện nay đã sống ly thân gần hai năm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thân Văn L.

Về con chung: Chị và anh Thân Văn L có 02 (Hai) con chung là Thân Văn T, sinh ngày 20/7/1999 và Thân Văn D, sinh ngày 01/5/2001. Các cháu hiện đang sống với anh Thân Văn L. Cháu Thân Văn T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hiện học nghề và có công việc ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Thân Văn D, chị tôn trọng ý kiến của cháu D muốn chung sống với anh Thân Văn L nên chị đồng ý giao cháu Thân Văn D cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay kinh tế của chị rất khó khăn, bên cạnh đó cháu Thân Văn D đã học nghề, có công việc ổn định nên chị đề nghị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Thân Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thân Văn L:

Anh Thân Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh L trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung của chị Nguyễn Thị Như U nhưng anh Thân Văn L không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như U chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Thân Văn L, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như U về yêu cầu ly hôn với anh Thân Văn L và giao cháu Thân Văn D cho anh Thân Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Như U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị Như U và anh Thân Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 29/7/2005. Hôn nhân của chị U và anh L tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Như U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thân Văn L đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Thân Văn L cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Thân Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như U, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 16/5/2018 thể hiện trong thời gian chung sống tại tổ 6, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai thời gian gần đây do anh Thân Văn L không có công việc ổn định và thường xuyên uống rượu nên gây ảnh hưởng đến tình cảm, quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh L.

Biên bản xác minh này phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Như U: Do anh Thân Văn L không tu chí làm ăn, không cùng với chị gánh vác kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng phát sinh ngày càng lớn đến mức không thể hàn gắn tiếp tục chung sống. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh L mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thân Văn L.

Như vậy giữa anh Thân Văn L và chị Nguyễn Thị Như U không còn sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống cũng như công việc trong gia đình, không cùng hướng đến mục đích chung là xây dựng gia đình hạnh phúc.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Như U và anh Thân Văn L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như U, xử cho chị U được ly hôn với anh Thân Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như U và anh Thân Văn L có 02 (Hai) con chung là Thân Văn T, sinh ngày 20/7/1999 và Thân Văn D, sinh ngày 01/5/2001.

Đối với cháu Thân Văn T đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã học nghề và có công việc ổn định, chị Nguyễn Thị Như U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với cháu Thân Văn D, cháu D có nguyện vọng chung sống với anh Thân Văn L và trên thực tế cháu đang học, làm nghề và cư trú cùng nơi với anh L, bản thân chị Nguyễn

Thị Như U cũng đồng ý giao cháu D cho anh Thân Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc giao cháu Thân Văn D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thân Văn L không tham gia phiên tòa, không có văn bản nào khác thể hiện yêu cầu đối với con chung và việc cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết trong cùng vụ án này. Anh Thân Văn L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án dân sự khác.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Như U không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như U phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như U

Chị Nguyễn Thị Như U được ly hôn với anh Thân Văn L

2. Về con chung: Giao 01 (Một) con chung là cháu Thân Văn D, sinh ngày 01/5/2001 cho anh Thân Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như U phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003373 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như U được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Thân Văn L vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 70 - quyền số 04 – ngày 29/7/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA